

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1647/QĐ-ĐHDT  
ngày 13 tháng 05 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân)*

Trình độ đào tạo: Đại học  
Ngành đào tạo: Điều dưỡng  
Mã ngành: 7720301  
Chuyên ngành: Điều dưỡng đa khoa  
Mã chuyên ngành: 302  
Loại hình đào tạo: chính quy

### **1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA:**

#### **1.1. Mục tiêu đào tạo**

##### **1.1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo Cử nhân ngành Điều dưỡng có phẩm chất đạo đức tốt; có kiến thức khoa học cơ bản cũng như kiến thức và kỹ năng về thực hành chuyên môn nghề nghiệp theo quy định y tế và pháp luật; có khả năng nghiên cứu khoa học, có trình độ ngoại ngữ, tin học, khả năng hoạt động nhóm và tự học; tham gia phối hợp trong công tác phòng, chữa bệnh và phục hồi sức khỏe nhân dân.

##### **1.1.2. Mục tiêu cụ thể**

###### **Về kiến thức:**

- Mô tả được cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý.
- Giải thích được sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.
- Mô tả được những nguyên tắc cơ bản về quy trình chăm sóc, chẩn đoán điều dưỡng và phòng bệnh.
- Trình bày được quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân.
- Trình bày được phương pháp luận khoa học trong công tác chăm sóc, phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu về sức khỏe.

###### **Về kỹ năng:**

### ***Kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp:***

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng và có khả năng vận hành sử dụng và bảo quản tốt trang thiết bị máy móc phục vụ công tác chăm sóc.
- Nhận định được tình trạng sức khỏe người bệnh, đưa ra chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch phù hợp dựa trên vấn đề ưu tiên và đánh giá kết quả chăm sóc sức khỏe người bệnh.
- Thực hiện được việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp tai nạn, thương tích.
- Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả.
- Thiết lập môi trường làm việc an toàn hiệu quả, phát hiện, báo cáo và đưa ra các hành động khắc phục phù hợp các nguy cơ trong môi trường chăm sóc người bệnh.
- Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương, đề xuất các biện pháp phối hợp để phòng chống dịch.
- Áp dụng y học cổ truyền trong công tác chăm sóc, phòng chống và chữa bệnh.
- Tham gia tổ chức và đào tạo cán bộ điều dưỡng, đào tạo liên tục cho mình và các nhân viên y tế khác.
- Nghiên cứu khoa học: có khả năng vận dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào thực hành chăm sóc người bệnh. Có khả năng phát hiện các vấn đề và thực hiện được các nghiên cứu điều dưỡng để nâng cao được chất lượng thực hành chăm sóc, quản lý hoặc đào tạo điều dưỡng.

### ***Kỹ năng mềm:***

- Kỹ năng giao tiếp: Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà người bệnh và nhân viên y tế khác. Thể hiện sự hiểu biết về văn hóa, tín ngưỡng trong giao tiếp với người bệnh, tư vấn sức khỏe phù hợp với người bệnh.
- Kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm: Tôn trọng quan điểm, vai trò của đồng nghiệp trong công việc. Chia sẻ thông tin hiệu quả với các thành viên trong nhóm chăm sóc. Thực hiện phối hợp tốt với Bác sĩ và các nhân viên y tế khác, có những đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý để chăm sóc và nâng cao sức khỏe người bệnh.
- Quản lý điều dưỡng: có khả năng tổ chức, điều phối, phân công nhiệm vụ cho các thành viên của nhóm chăm sóc khoa học, hợp lý và hiệu quả để đảm bảo chất lượng chăm sóc.

### ***Về thái độ:***

- Thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, chính sách của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân.

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.
- Trung thực, khách quan, thận trọng, chính xác, nhanh nhẹn và linh hoạt khi thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.
- Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, tín ngưỡng, phong tục tập quán của cộng đồng trong hoạt động nghề nghiệp.
- Có ý thức phát triển nghề nghiệp, học tập liên tục và suốt đời.

## 1.2. Chuẩn đầu ra

Cơ sở xây dựng:

1/ Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo, theo Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH

2/ Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam, theo Quyết định số: 1352/QĐ-BYT ngày 24 tháng 4 năm 2012 của Bộ Y tế

### 1.2.1. Yêu cầu về kiến thức: Sinh viên có khả năng

TT	Nội dung yêu cầu	Lĩnh vực	Tiêu chuẩn/ tiêu chí
a	Mô tả được cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý.	2	20/5
b	Giải thích được tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì và cải thiện môi trường sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.	1	1/1,2
c	Phân tích được các nội dung căn bản trong quy trình chăm sóc điều dưỡng và quản lý điều dưỡng.	1; 2	1/1,2; 2/1; 3/1; 4/3; 7/5; 17/1,2,3; 21/2,3,6
d	Trình bày được quy định pháp luật, chính sách của nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng.	1	20/5

### 1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng:

TT	Nội dung yêu cầu	Lĩnh vực	Tiêu chuẩn/ tiêu chí
<b>Kỹ năng cứng</b>			
e	Thiết lập và thực hiện quy trình chăm sóc toàn diện, thực hiện thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng, có khả năng vận hành và bảo	1	6/2; 7/1,2,3,4,6,7; 18/3; 2/ 2,3,4; 4/1,2,4,5,6,7,8,9; 8/1,3; 13/1,2

	quản tốt trang thiết bị máy móc phục vụ trong công tác chăm sóc.		
f	Thực hiện kịp thời sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp tai nạn, thương vong.	1	9/1,2,4
g	Nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng. Thực hành nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.	2	22/2,3,4,5; 24/3,4
<b>Kỹ năng mềm</b>			
h	Giao tiếp hiệu quả, thể hiện sự hiểu biết về văn hóa và tín ngưỡng với người bệnh, gia đình, đồng nghiệp, cộng đồng. Hợp tác và làm việc nhóm hiệu quả.	1; 2	2/3; 11/1, 2,4; 12/1,2,3; 21/6; 8/2; 9/3; 14/2,3,5
i	Tin học: chứng chỉ B,C tin học/ kỹ thuật viên tin học/ ứng dụng CNTT nâng cao/ MOS, IP,AP,FE. Ngoại ngữ: Toeic 420/ IELTS 4.0/ TOEFL 420 ITP/ 45Ibt/ PET/ B1.	2	17/5; 23/2

### 1.2.3. Yêu cầu về thái độ:

TT	Nội dung yêu cầu	Lĩnh vực	Tiêu chuẩn/ tiêu chí
j	Hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân về các quyết định chăm sóc và can thiệp điều dưỡng	3	25/1,2,3
k	Bảo đảm quyền lợi, tôn trọng người bệnh và tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho người bệnh. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp..	1, 2	5/3; 10/3; 11/3,4 14/1,2,3; 16/2
l	Có ý thức phát triển nghề nghiệp, học tập liên tục và suốt đời để nâng cao năng lực bản thân. Tuân thủ các quy định thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, chính sách nhà nước và các quy định của luật y tế.	2	20/1,2,3,4 23/1,2,3,4,5,6,7,8 24/1,2,3,4

### 1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp:

Điều dưỡng tại các cơ sở khám chữa bệnh, trung tâm chăm sóc sức khỏe, giảng viên tại các cơ sở đào tạo điều dưỡng. Tham gia vào đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo điều dưỡng tại các Sở ban ngành, cơ quan và tổ chức y tế.

### 1.2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường:

Khi đủ điều kiện có thể tham gia các khoá đào tạo sau đại học chuyên ngành Điều dưỡng như Chuyên khoa I, Thạc sĩ và một số chuyên ngành khác trong lĩnh vực khoa học sức khoẻ như: Y tế công cộng, Dinh dưỡng học, Tiết chế, Dịch tễ học, Kinh tế y tế, Quản lý bệnh viện trong và ngoài nước theo quy định hiện hành.

**2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:** 4 năm

**3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:** 145 tín chỉ (Không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

**4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** tốt nghiệp văn hoá Trung học Phổ thông hoặc trình độ tương đương.

## **5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

### **5.1. Đào tạo theo học chế tín chỉ**

Việc đào tạo Cử nhân (Đại học) ngành Điều dưỡng ở Đại học Duy Tân được đào tạo theo học chế tín chỉ.

#### ***Các quy định trong học tập:***

- Văn bằng tốt nghiệp Cử nhân (Đại học) ngành Điều dưỡng đào tạo chính qui trong 4 năm.
- Chương trình học sẽ diễn ra trong vòng 8 học kỳ (4 năm học).
- Tổ chức các lớp học lý thuyết theo phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm. Dạy học dựa trên các vấn đề sức khỏe của người bệnh, của cộng đồng.
- Tổ chức các phòng thực hành các môn học cơ sở với trang thiết bị hiện đại, bảo đảm kỹ năng thực hành giỏi.
- Tổ chức phòng thực hành tiền lâm sàng với đầy đủ mô hình học cụ thể để rèn luyện tư cách đạo đức và tâm lý giao tiếp khi tiếp xúc với người bệnh, cùng kỹ năng chăm sóc người bệnh thuần thực trước khi thực tập chính thức tại bệnh viện hoặc trong cộng đồng.
- Kiểm tra kết thúc học phần theo các quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.
- Phương pháp thi kết thúc học phần:
  - o Thi lý thuyết được tổ chức bằng các phương pháp đánh giá khách quan.
  - o Thi thực hành bằng phương pháp “Qua từng trạm” (OSPE, OSCE).
- Điểm đánh giá học phần là tổng của tích điểm thành phần với trọng số tương ứng từng thành phần:

$$\mathbf{Đ = K.k\% + T.t\% + H.h\% + C.c\% + V.v\% + G.g\% + N.n\% + E.e\%}$$

Trong đó:

#### **Điểm quá trình gồm:**

- K: điểm kiểm tra thường xuyên
- T: điểm nhận thức và thái độ học tập.
- H: điểm thực hành
- C: điểm chuyên cần
- V: điểm bài tập về nhà

G: điểm thi giữa học phần

k%, t%, h%, c%, v%, g% là các trọng số tương ứng cho từng mục điểm thành phần trong đánh giá quá trình.

**Điểm kết thúc học phần gồm:**

N: điểm bài thu hoạch nhóm hoặc thu hoạch cá nhân

E: điểm thi kết thúc học phần

n%, e% là các trọng số tương ứng với từng mục điểm KTHP.

- Sinh viên được đánh giá đạt khi có điểm đánh giá học phần không nhỏ hơn 4 (bốn) điểm.

- Sinh viên không tham dự thi kết thúc học phần kỳ chính hoặc bị đánh giá chưa đạt được tham dự thi kết thúc học phần kỳ phụ. Kỳ thi phụ được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

- Sau hai kỳ thi chính và phụ mà điểm học phần vẫn dưới 4 (bốn) thì sinh viên phải đăng ký học lại học phần này với số lần được dự thi theo qui định như đối với một học phần mới.

- Tổ chức thực tập lâm sàng tại bệnh viện, có một giảng viên hướng dẫn thực hành, trực tiếp thực hiện các thủ thuật chăm sóc người bệnh tại phòng bệnh.

- Tổ chức các điểm thực tế tại huyện, xã, phường; chọn các xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế xã để triển khai các chương trình thực tập điều dưỡng cộng đồng.

**5.2. Điều kiện Tốt nghiệp**

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần được đánh giá đạt theo quy định của chương trình đào tạo;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Được đánh giá đạt trong kỳ thi hay đề án tốt nghiệp;

đ) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất và đánh giá đạt trong kỳ khảo sát Tiếng Anh và tin học của Trường;

Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, trưởng phòng đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn, trưởng phòng công tác sinh viên. Căn cứ trên kết quả xét công nhận của Hội đồng thi và xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp

**6. THANG ĐIỂM**

**6.1. Loại đạt:**

A (8,5 – 10)	Giỏi
B (7,0 – 8,4)	Khá
C (5,5 – 6,9)	Trung bình
D (4,0 – 5,4)	Trung bình

## 6.2. Loại không đạt:

F (dưới 4,0)

Kém

## 6.3. Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu để đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A tương ứng với 4

B tương ứng với 3

C tương ứng với 2

D tương ứng với 1

F tương ứng với 0

## 7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

### 7.1. Học phần đại cương

#### 7.1.1. Học phần bắt buộc

STT	TÊN MÔN HỌC / HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Cụ thể
1	Kinh tế chính trị Marx - Lenin 1	2	
2	Triết học Marx - Lenin	3	
3	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
6	Phương pháp luận (gồm Nghiên cứu khoa học)	2	
7	Nói & Trình Bày (tiếng Việt)	2	
8	Viết (tiếng Việt)	2	
9	Tin học đại cương	3	
10	Tin học ứng dụng	3	
11	Reading - Level 1	1	
12	Writing – Level 1	1	
13	Listening - Level 1	1	
14	Speaking - Level 1	1	
15	Reading - Level 2	1	
16	Writing – Level 2	1	
17	Listening - Level 2	1	
18	Speaking - Level 2	1	
19	Reading - Level 3	1	
20	Writing - Level 3	1	
21	Listening - Level 3	1	
22	Speaking - Level 3	1	
23	Hướng nghiệp 1	1	

24	Hướng nghiệp 2	1	
25	Toán cao cấp A1	3	2+1
26	Vật lý đại cương	3	2+1
27	Hóa học đại cương	3	2+1
28	Sinh học đại cương	3	2+1
29	Nhật ngữ cơ sở 1	1	
30	Nhật ngữ cơ sở 2	1	
31	Nhật ngữ cơ sở 3	1	
32	Nhật ngữ cơ sở 4	1	
	<b>Tổng</b>	<b>53</b>	

### 7.1.2. Học phần tự chọn

STT	TÊN MÔN HỌC / HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Cụ thể
	<b>Chọn 1 trong 5</b>		
1	Sức Khỏe Môi Trường	2	
2	Lịch Sử Văn Minh Thế Giới 1	2	
3	Lịch Sử Văn Minh Thế Giới 2	2	
4	Lịch Sử Kiến Trúc Phương Tây	2	
5	Lịch Sử Kiến Trúc Phương Đông & Việt Nam	2	
	<b>Chọn 1 trong 3</b>		
6	Đạo Đức trong Công Việc	2	
7	Pháp Luật Đại Cương	2	
8	Y Đức	2	
	<b>Tổng</b>	<b>4</b>	

### 7.2. Học phần đại cương ngành

#### 7.2.1. Học phần bắt buộc

STT	TÊN MÔN HỌC / HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Cụ thể
1	Hóa hữu cơ	3	2+1
2	Hóa sinh căn bản	3	2+1
3	Lý thuyết Xác suất & thống kê toán	3	2+1
4	Cơ sở di truyền học	1	
5	Giải phẫu học I	2	1+1
6	Giải phẫu học II	2	1+1
7	Mô phôi	2	1+1
8	Sinh lý học	3	2+1
9	Căn bản vi sinh học	3	2+1
10	Ký sinh trùng	1	
11	Sinh lý Bệnh - Miễn dịch	2	
12	Dược lý học cho Y	2	
13	Dịch tễ học	2	
14	Dinh dưỡng học	2	



15	Đại cương tâm lý học	3	
16	Tổ chức Y tế - Chương trình Y tế Quốc gia	1	
17	Dân số học - Kế hoạch hóa gia đình - Sức khỏe Gia đình	1	
18	Tranh tài giải pháp PBL 296	1	
	<b>Tổng</b>	<b>37</b>	

### 7.3. Học phân chuyên ngành

#### 7.3.1. Học phân bắt buộc

STT	TÊN MÔN HỌC / HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Cụ thể
1	Nội cơ sở 1	2	
2	Ngoại cơ sở	2	
3	Sản & Nhi cơ sở	2	
4	Điều dưỡng cơ bản 1	4	1+1+2
5	Điều dưỡng cơ bản 2	3	1+1+1
6	Phục hồi chức năng	2	1+1
7	Điều dưỡng cấp cứu hồi sức	2	1+1
8	Điều dưỡng nội 1	2	1+1
9	Điều dưỡng nội 2	2	1+1
10	Điều dưỡng ngoại 1	2	1+1
11	Điều dưỡng ngoại 2	2	1+1
12	Điều dưỡng cho Gia đình có trẻ con 1	2	1+1
13	Điều dưỡng cho Gia đình có trẻ con 2	2	1+1
14	Điều dưỡng cho gia đình có người Già 1	2	1+1
15	Điều dưỡng cho gia đình có người Già 2	2	1+1
16	Điều dưỡng chuyên khoa hệ nội	2	
17	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại	2	
18	Quản lý điều dưỡng	2	
19	Y học cổ truyền	2	1+1
20	Tiết chế	1	
21	Tranh tài giải pháp PBL 396	1	
22	Thực tập điều dưỡng I	3	
23	Thực tập điều dưỡng II	5	
	<b>Tổng</b>	<b>51</b>	

#### 7.4. Tốt nghiệp cuối khóa

Tùy theo bậc đào tạo, tính chất của từng ngành, kết quả học tập của từng sinh viên và điều kiện đáp ứng cụ thể của nhà Trường trong từng năm (có tiêu chí cụ thể) mà sinh

viên có thể đăng ký tốt nghiệp hoặc đồ án tốt nghiệp với thủ tục tương tự đăng ký học phần:

Đối với chương trình đào tạo từ 3-4 năm có kết hợp cả hình thức thi và/ hoặc đồ án tốt nghiệp.

Sinh viên năm cuối được thi và làm đồ án tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- Có số học phần chưa đạt nằm ngoài điều kiện tiên quyết của học phần thi hoặc đồ án tốt nghiệp
- Tính đến thời điểm xét dự thi tốt nghiệp hoặc giao đồ án tốt nghiệp sinh viên có tổng số tín chỉ các học phần bị điểm  $F < 5\%$  của tổng số tín chỉ được thiết kế trong chương trình đào tạo (không tính các học phần thi hay đồ án tốt nghiệp)

Làm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng 10 tín chỉ cho trình độ đại học.

Hình thức thi và đồ án tốt nghiệp:

- Kỳ thi tốt nghiệp được tổ chức thi cho hai môn thi thuộc hai khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Nội dung thi của mỗi khối kiến thức là sự tổng hợp từ 3 học phần trở lên, được khoa xác định và được Hiệu Trưởng phê duyệt. Sinh viên phải được đánh giá đạt thực tập tốt nghiệp và cả hai môn thi thì mới được xếp loại thi đạt tốt nghiệp.
- Đồ án tốt nghiệp được bố trí thực hiện kết hợp với thời gian thực tập. Khoa có trách nhiệm phân công giáo viên hướng dẫn, phản biện và đề xuất hội đồng chấm đồ án.

## 8. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Stt	Mã học phần		Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ								Ghi chú	
	Chữ	Số			1	2	3	4	5	6	7	8		
1	BIO	101	Sinh Học Đại Cương	3	x									
2	CHE	101	Hóa Học Đại Cương	3	x									
3	CS	101	Tin Học Đại Cương	3	x									
4	DTE-NUR	102	Hướng Nghiệp 1	1	x									
5	MTH	103	Toán Cao Cấp A1	3	x									
6	ANA	201	Giải Phẫu Học 1	2		x								
7	CHE	203	Hóa Hữu Cơ	3		x								
8	COM	101	Nói & Trình Bày (tiếng Việt)	2		x								
9	COM	102	Viết (tiếng Việt)	2		x								
10	CS	201	Tin Học Ứng Dụng	3		x								

11	DTE-NUR	152	Hướng Nghiệp 2	1		x							
12	ENG	116	Reading - Level 1	1		x							
13	ENG	117	Writing - Level 1	1		x							
14	ENG	118	Listening - Level 1	1		x							
15	PSY	151	Đại Cương Tâm Lý Học	3		x							
16	BCH	201	Hóa Sinh Căn Bản	3			x						
17	BIO	213	Sinh Lý Học	3			x						
18	BIO	220	Cơ Sở Di Truyền Học	1			x						
19	ENG	119	Speaking - Level 1	1			x						
20	MIB	251	Căn Bản Vi Sinh Học	3			x						
21	NTR	151	Dinh Dưỡng Học	2			x						
22	PHI	100	Phương Pháp Luận (gồm Nghiên Cứu Khoa Học)	2			x						
23	PHY	101	Vật Lý Đại Cương	3			x						
24	JAP	116	Nhật ngữ cơ sở 1	1			x						
25	ANA	202	Giải Phẫu Học 2	2				x					
26	ANA	203	Mô Phôi	2				x					
27	ENG	166	Reading - Level 2	1				x					
28	IMN	250	Sinh Lý Bệnh - Miễn Dịch	2				x					
29	MIB	253	Ký Sinh Trùng	1				x					
30	NUR	248	Thực Tập Điều Dưỡng I	3				x					
31	NUR	251	Điều Dưỡng Cơ Bản 1	4				x					
32	NUR	296	Tranh Tài Giải Pháp PBL	1				x					
33	PMY	300	Dược Lý Học cho Y	2				x					
34	JAP	117	Nhật ngữ cơ sở 2	1				x					
35	IMD	251	Nội Cơ Sở 1	2					x				
36	MCH	250	Sản & Nhi Cơ Sở	2					x				
37	MED	268	Y Đức	2						x			

38	NTR	413	Tiết chế	1					x				
39	NUR	300	Điều Dưỡng Cơ Bản 2	3					x				
40	PHI	150	Triết học Marx - Lenin	3					x				
41	STA	151	Lý Thuyết Xác Suất & Thống Kê Toán	3					x				
42	SUR	251	Ngoại Cơ Sở 1	2					x				
43	JAP	118	Nhật ngữ cơ sở 3	1					x				
44	ENG	167	Writing - Level 2	1						x			
45	ENG	168	Listening - Level 2	1						x			
46	ENG	169	Speaking - Level 2	1						x			
47	HIS	361	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2						x			
48	NUR	302	Điều Dưỡng Nội 1	2						x			
49	NUR	303	Điều Dưỡng Ngoại 1	2						x			
50	NUR	305	Điều Dưỡng cho gai đình có trẻ con 1	2						x			
51	NUR	396	Tranh Tài Giải Pháp PBL	1						x			
52	POS	351	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2						x			
53	POS	151	Kinh tế chính trị Marx - Lenin	2						x			
54	SPM	302	Dịch Tế Học	2						x			
55	JAP	119	Nhật ngữ cơ sở 4	1						x			
56	ENG	216	Reading - Level 3	1							x		
57	ENG	217	Writing - Level3	1							x		
58	ENG	218	Listening - Level 3	1							x		
59	NUR	306	Điều Dưỡng cho gia đình có người già 1	2								x	
60	NUR	313	Điều Dưỡng Cấp Cứu - Hồi Sức	2								x	
61	NUR	402	Điều Dưỡng Nội 2	2								x	
62	NUR	403	Điều Dưỡng Ngoại 2	2								x	



STT	Mã học phần		Tên học phần	Số Tín chỉ	Chuẩn đầu ra											Ghi chú	
	Chữ	Số			a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k		l
2	PHI	150	Triết học Marx - Lenin	3				x									
3	HIS	362	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2				x									
4	POS	351	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2				x									
5	POS	361	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	2				x									
6	PHI	100	Phương Pháp Luận (gồm Nghiên Cứu Khoa Học)	2	x						x						
7	COM	101	Nói & Trình Bày (tiếng Việt)	2								x					
8	COM	102	Viết (tiếng Việt)	2												x	
9	CS	101	Tin học đại cương	3								x					
10	CS	201	Tin Học Ứng Dụng	3								x					
11	ENG	116	Reading - Level 1	1								x					
12	ENG	117	Writing - Level 1	1								x					

STT	Mã học phần		Tên học phần	Số Tín chỉ	Chuẩn đầu ra											Ghi chú							
	Chữ	Số			a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k		l						
13	ENG	118	Listening - Level 1	1													x						
14	ENG	119	Speaking - Level 1	1													x						
15	ENG	166	Reading - Level 2	1												x							
16	ENG	167	Writing - Level 2	1												x							
17	ENG	168	Listening - Level 2	1												x							
18	ENG	169	Speaking - Level 2	1												x							
19	ENG	216	Reading - Level 3	1												x							
20	ENG	217	Writing - Level3	1												x							
21	ENG	218	Listening - Level 3	1												x							
22	ENG	219	Speaking - Level 3	1												x							
23	DTE-NUR	102	Hướng Nghiệp 1	1													x		x	x	x		
24	DTE-NUR	152	Hướng Nghiệp 2	1			x	x	x								x		x	x	x		
25	MTH	103	Toán Cao Cấp A1	3	x																		
26	PHY	101	Vật Lý Đại Cương	3	x																		
27	CHE	101	Hóa Học Đại Cương	3	x																		

STT	Mã học phần		Tên học phần	Số Tín chỉ	Chuẩn đầu ra											Ghi chú	
	Chữ	Số			a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k		l
28	BIO	101	Sinh Học Đại Cương	3	x												
29	JAP	116	Nhật ngữ cơ sở 1	2									x				
30	JAP	117	Nhật ngữ cơ sở 2										x				
31	JAP	118	Nhật ngữ cơ sở 3										x				
32	JAP	119	Nhật ngữ cơ sở 4	2									x				
33	EVR	205	Sức Khỏe Môi Trường	2		x											
34	HIS	221	Lịch Sử Văn Minh Thế Giới 1	2	x												
35	HIS	222	Lịch Sử Văn Minh Thế Giới 2	2	x												
36	AHI	392	Lịch Sử Kiến Trúc Phương Tây	2	x												
37	AHI	391	Lịch Sử Kiến Trúc Phương Đông	2	x												
38	MED	268	Y Đức	2				x				x		x	x	x	
39	DTE	201	Đạo đức trong Công việc	2				x						x			



STT	Mã học phần		Tên học phần	Số Tín chỉ	Chuẩn đầu ra											Ghi chú	
	Chữ	Số			a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k		l
40	LAW	201	Pháp Luật Đại Cương	2				x									x
41	CHE	203	Hóa Hữu Cơ	3	x												
42	BCH	201	Hóa Sinh Căn Bản	3	x												
43	STA	151	Lý Thuyết Xác Suất & Thống Kê Toán	3	x						x						
44	BIO	220	Cơ Sở Di Truyền Học	1	x												
45	ANA	201	Giải Phẫu học 1	2	x												
46	ANA	202	Giải Phẫu học 2	2	x												
47	ANA	203	Mô Phôi	2	x												
48	BIO	213	Sinh Lý Học	3	x												
49	MIB	251	Căn Bản Vi Sinh Học	3	x												
50	MIB	253	Ký Sinh Trùng	1	x												
51	IMN	250	Sinh Lý Bệnh - Miễn Dịch	2	x												
52	PMY	300	Dược Lý Học cho Y	2	x		x		x								

STT	Mã học phần		Tên học phần	Số Tín chỉ	Chuẩn đầu ra											Ghi chú	
	Chữ	Số			a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k		l
53	SPM	302	Dịch Tế Học	2		x											
54	NTR	151	Dinh Dưỡng Học	2		x	x		x								
55	PSY	151	Đại Cương Tâm Lý Học	3	x		x					x				x	
56	SPM	413	Tổ Chức Y Tế - Chương Trình Y Tế Quốc Gia	1		x	x	x									
57	SOC	303	Dân Số Học - Kế Hoạch Hóa Gia Đình - Sức Khỏe Gia Đình	1		x		x									
58	NUR	296	Tranh Tài Giải Pháp PBL	1								x				x	
59	IMD	251	Nội Cơ Sở 1	2	x												
60	SUR	251	Ngoại Cơ Sở 1	2	x												
61	MCH	250	Sản & Nhi Cơ Sở	2	x												
62	NUR	251	Điều Dưỡng Cơ Bản 1	4		x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x

STT	Mã học phần		Tên học phần	Số Tín chỉ	Chuẩn đầu ra											Ghi chú	
	Chữ	Số			a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k		l
63	NUR	300	Điều Dưỡng Cơ Bản 2	3		x	x			x	x	x	x	x	x	x	
64	REM	400	Phục Hồi Chức Năng	2		x	x			x		x	x		x	x	x
65	NUR	313	Điều Dưỡng Cấp Cứu - Hồi Sức	2		x	x			x		x	x	x	x	x	x
66	NUR	302	Điều Dưỡng Nội 1	2		x	x			x		x	x	x	x	x	x
67	NUR	402	Điều Dưỡng Nội 2	2		x	x			x		x	x	x	x	x	x
68	NUR	303	Điều Dưỡng Ngoại 1	2		x	x			x		x	x	x	x	x	x
69	NUR	403	Điều Dưỡng Ngoại 2	2		x	x			x		x	x	x	x	x	x
70	NUR	305	Điều Dưỡng cho gia đình có trẻ con 1	2		x	x			x		x	x	x	x	x	x
71	NUR	405	Điều Dưỡng cho gia đình có trẻ con 2	2		x	x			x		x	x	x	x	x	x
72	NUR	306	Điều dưỡng cho gia đình	2		x	x			x		x	x	x	x	x	x

STT	Mã học phần		Tên học phần	Số Tín chỉ	Chuẩn đầu ra											Ghi chú	
	Chữ	Số			a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k		l
			có người già 1														
73	NUR	406	Điều Dưỡng cho gia đình có người già 2	2		x	x		x		x	x	x	x	x	x	
74	NUR	423	Điều Dưỡng Chuyên Khoa Hệ Nội	2		x	x		x		x	x		x	x	x	
75	NUR	433	Điều Dưỡng Chuyên Khoa Hệ Ngoại	2		x	x		x		x	x		x	x	x	
76	MGT	433	Quản Lý Điều Dưỡng	2			x		x		x		x			x	
77	MED	362	Y Học Cổ Truyền	2		x	x		x			x		x	x	x	
78	NTR	413	Tiết chế	1		x	x		x								
79	NUR	396	Tranh Tài Giải Pháp PBL	1							x	x	x	x	x	x	
80	NUR	248	Thực Tập Điều Dưỡng I	3		x	x		x	x	x	x		x	x	x	
81	NUR	448	Thực Tập điều dưỡng II	2		x	x		x	x	x	x		x	x	x	
<b>Tổng</b>				<b>140</b>	<b>58</b>	<b>49</b>	<b>51</b>	<b>20</b>	<b>46</b>	<b>13</b>	<b>45</b>	<b>50</b>	<b>51</b>	<b>46</b>	<b>48</b>	<b>50</b>	

### 10. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	BIO 101	Sinh Học Đại Cương	3	Sinh học đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản về: Sinh học tế bào; Sự trao đổi chất và năng lượng trong tế bào; Di truyền và biến dị; Nguồn gốc sự sống và đa dạng sinh học.	Khoa Khoa học tự nhiên
2	CHE 101	Hóa Học Đại Cương	3	Hóa học đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản về: Nhiệt động hóa học - Nhiệt hóa học, chiều và giới hạn của quá trình hóa học, động hóa học, cân bằng hóa học, dung dịch, dung dịch điện li, điện hóa học.	Khoa Khoa học tự nhiên
3	CS 101	Tin Học Đại Cương	3	Môn học nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, hệ điều hành, mạng máy tính, và về phần cứng máy tính. Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho người học đầy đủ các kiến thức và kỹ năng sử dụng các phần mềm MS Word, MS Excel và MS Powerpoint trong bộ Microsoft Office.	Khoa công nghệ thông tin
4	DTE-NUR 102	Hướng Nghiệp 1	1	Môn học Hướng nghiệp 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường học tập đại học, phần mềm quản lý học tập, những qui chế liên quan đến quá trình học tập, thi cử, tốt nghiệp cũng như những qui định của Nhà trường trong 4 năm học tại Trường Đại học Duy Tân. Hướng Nghiệp 1 đồng thời hướng dẫn cho sinh viên phương pháp học đại học; cung cấp những thông tin hướng nghiệp giúp sinh viên xây dựng mục tiêu, phương pháp và kế hoạch học tập hiệu quả.	Khoa Điều dưỡng
5	MTH 103	Toán Cao Cấp A1	3	Môn học này cung cấp cho người học những nội dung chính sau: Kiến thức về hàm số một biến, giới hạn và tính liên tục của hàm một biến; Kiến thức về đạo hàm và các ứng dụng của đạo hàm của hàm một biến; Kiến thức về tích phân hàm một biến và các ứng dụng của tích phân; Kiến thức cơ bản về phương trình vi phân và các mô hình, ứng dụng của phương trình vi phân; Kiến thức về dãy số và chuỗi cùng các ứng dụng của chuỗi lũy thừa.	Khoa Khoa học tự nhiên
6	ANA	Giải Phẫu Học 1	2	Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản	Khoa Y

	201			và chi tiết giải phẫu của tất cả các bộ phận trong cơ thể người. Mô tả được liên quan của từng bộ phận trong các hệ thống, các cơ quan của cơ thể người. Nêu được tầm quan trọng của môn giải phẫu học là môn học cơ sở trong tất cả các môn cơ sở và các môn lâm sàng trong y học. Ứng dụng các hiểu biết về Giải phẫu học trong các môn y học khác và trong thực tế phòng bệnh, điều trị hướng tới việc chăm sóc sức khỏe ban đầu.	
7	CHE 203	Hóa Hữu Cơ	3	Hóa hữu cơ cung cấp những kiến thức cơ bản về: Cơ sở lý thuyết Hóa hữu cơ: Kiến thức Đại cương, Sự hình thành liên kết trong Hóa hữu cơ, Hiệu ứng điện tử, Đồng phân và cấu dạng, Cơ chế phản ứng Hữu cơ. Các Hợp chất hữu cơ cơ bản: Hydrocacbon, Dẫn xuất Halogen, Hợp chất cơ nguyên tố, Ancol, Phenol, Ete, Andehit, Xeton, Axit cacboxylic và Dẫn chất.	Khoa Khoa học tự nhiên
8	COM 101	Nói & Trình Bày (tiếng Việt)	2	Kỹ năng giao tiếp, đặc biệt là kỹ năng trình bày trước công chúng, là một yêu cầu quan trọng trong cuộc sống. Bài trình bày hiệu quả giúp kết nối các cá nhân với nhau. Do vậy, việc sinh viên được học cách thể hiện ý tưởng của mình với các nhóm khán giả khác nhau thông qua việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể hiệu quả, nắm bắt phản ứng của khán giả, bảo vệ và tranh luận cho quan điểm của mình theo hướng tích cực là hết sức quan trọng. Sinh viên trong khóa học này sẽ được học các loại bài phát biểu khác nhau như bài phổ biến thông tin, bài phát biểu thuyết phục, bài phát biểu tranh luận và bài phát biểu chúc tụng.	Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
9	COM 102	Viết (tiếng Việt)	2	Viết (tiếng Việt) là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ nhằm cung cấp cho sinh viên kỹ năng viết, hỗ trợ trong học tập và công tác sau này. Sinh viên có khả năng thể hiện ý tưởng của mình một cách rõ ràng và súc tích bằng các loại văn bản khác nhau. Trong khóa học này, sinh viên sẽ tìm hiểu về các dạng bài luận luận chính của đại học bao gồm bài luận nguyên nhân – kết quả, bài tranh luận/ thuyết phục, bài luận phân loại và bài luận so sánh-đối chiếu. Họ cũng sẽ có cơ hội tìm hiểu về các phong cách viết văn bản văn phòng và kinh doanh khác nhau	Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn

				như các bản ghi nhớ, email, thư, các kiến nghị chính thức, v.v.	
10	CS 201	Tin Học Ứng Dụng	3	Môn học bao gồm 2 phần chính: MS Excel nâng cao và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MS Access. Ở phần Exce nâng cao, môn học cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về thống kê, tổng hợp và phân tích số liệu. Còn ở phần 2, môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu, các thao tác và kỹ năng tổ chức, quản lý và khai thác dữ liệu trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu MS Access. Ngoài ra, môn học cũng giúp người học có thể xây dựng các ứng dụng đơn giản trên hệ quản trị CSDL MS Access.	Khoa Công nghệ thông tin
11	DTE-NUR 152	Hướng Nghiệp 2	1	Môn học Hướng Nghiệp 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng cá nhân như quản lý tài chính, thời gian; kỹ năng học tập trong môi trường đại học như kỹ năng làm việc nhóm, viết báo cáo. Hướng Nghiệp 2 đồng thời giới thiệu vai trò, nhiệm vụ của Điều dưỡng viên cũng như các quy định pháp lý đối với ngành Điều dưỡng.	Khoa Điều dưỡng
12	ENG 116	Reading - Level 1	1	Môn học này cung cấp các kiến thức sau: Các thì cơ bản trong tiếng Anh; Các kiến thức về chức năng của danh từ, hậu tố của danh từ, vị trí của danh từ, các loại danh từ; Các dạng bài đọc và các chiến lược làm bài trong các bài thi đọc hiểu của TOEIC như câu hỏi ý chính, câu hỏi thông tin, câu hỏi đúng sai, câu hỏi suy luận, câu hỏi về từ đồng nghĩa.	Khoa Ngoại ngữ
13	ENG 117	Writing - Level 1	1	Môn học này cung cấp các kiến thức sau: Các mẫu câu cơ bản của câu đơn; Cấu trúc và ngôn ngữ cơ bản của một email thương mại và phản hồi lại thư yêu cầu; Các dạng bài luận, cấu trúc một bài luận và câu luận điểm của bài luận.	Khoa Ngoại ngữ
14	ENG 118	Listening - Level 1	1	Môn học này cung cấp những nội dung sau: Các cách diễn đạt liên quan đến ngoại hình, hành động, đồ vật, loài vật, thiên nhiên, vị trí, dịch vụ khách sạn, các vấn đề sức khỏe, các nơi chốn và nghề nghiệp; Các loại câu hỏi với Wh và Có/Không; Các dạng bài tập Nghe TOEIC bao gồm Mô tả tranh, Hỏi-Đáp và Hội thoại ngắn.	Khoa Ngoại ngữ

15	PSY 151	Đại Cương Tâm Lý Học	3	Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản về đời sống tâm lý của con người. nội dung đề cập đến các vấn đề mang tính lý luận chung về các hiện tượng tâm lý và tính ứng dụng trong cuộc sống con người. Trên cơ sở này, người học có thể vận dụng để hình thành và phát triển khả năng tư duy, rèn luyện trí nhớ, trí tuệ cảm xúc và tính sáng tạo. Mục đích của môn học giúp cho người học hình thành những phẩm chất, nhân cách, quan hệ giao tiếp, nắm được các quy luật và yếu tố tác động đến quá trình phát triển của các hiện tượng tâm lý người, là cơ sở để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp sau này.	Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
16	BCH 201	Hóa Sinh Căn Bản	3	Hóa sinh căn bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức về thành phần cấu tạo, tính chất hóa học, vai trò của enzyme, glucid, protein, lipid, acid nucleic và quá trình chuyển hóa các chất trong cơ thể sống.	Khoa Khoa học tự nhiên
17	BIO 213	Sinh Lý Học	3	Sinh lý học y học là môn học nghiên cứu về hoạt động chức năng của các tế bào, các cơ quan, hệ thống cơ quan, nghiên cứu cơ chế và sự điều hòa chức năng để đảm bảo cho cơ thể tồn tại, phát triển một cách bình thường và thích ứng được với sự biến đổi của môi trường sống, nghiên cứu xác định và đo lường giá trị các thông số hay chỉ số thực hiện chức năng của cơ thể trong trạng thái cơ thể bình thường.	Khoa Y
18	BIO 220	Cơ Sở Di Truyền Học	1	Cơ sở di truyền học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về di truyền học tế bào, di truyền đơn gen, di truyền đa gen, đa nhân tố, di truyền phân tử, di truyền quần thể. Kết thúc môn học, sinh viên có khả năng tư vấn cho người bệnh về tỷ lệ di truyền bệnh cho thế hệ sau đối với một số bệnh cụ thể.	Khoa Y
19	ENG 119	Speaking - Level 1	1	Môn học này cung cấp những nội dung sau: Các âm, trọng âm của từ và ngữ điệu trong Tiếng Anh; Thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, cấu trúc there is/are, các giới từ phổ biến để mô tả địa điểm; Các loại tranh liên quan đến mua sắm, sự kiện, văn phòng, hoạt động trong thời gian rảnh; Các loại câu hỏi, thông tin được yêu cầu và các cấu trúc có	Khoa Ngoại ngữ



				thể dùng để trả lời cho các câu hỏi đó; Các câu hỏi về sở thích, công việc và văn phòng, phỏng vấn; Các văn bản thông tin bao gồm lịch trình sự kiện, lịch hội nghị, lộ trình; Các dạng bài tập Nói TOEIC bao gồm Đọc lớn một đoạn văn, Mô tả tranh, Trả lời câu hỏi, Trả lời câu hỏi dựa vào thông tin cho sẵn.	
20	MIB 251	Căn Bản Vi Sinh Học	3	Môn học giúp sinh viên nhận thức về các nguyên tắc an toàn sinh học trong các xét nghiệm vi sinh. Đồng thời, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xét nghiệm chẩn đoán các tác nhân gây bệnh thuộc các loại vi sinh vật khác nhau như cách lấy mẫu bệnh phẩm, kỹ thuật làm tiêu bản, kỹ thuật nhuộm, kỹ thuật nuôi cấy và phân lập vi khuẩn, các xét nghiệm sinh hóa - miễn dịch trong chẩn đoán. Môn học còn giúp sinh viên hiểu biết về kỹ thuật kháng sinh đồ nhằm lựa chọn kháng sinh thích hợp trong điều trị.	Khoa Y
21	NTR 251	Dinh Dưỡng Học	2	Dinh dưỡng học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vai trò, nhu cầu của các chất dinh dưỡng, nguồn cung cấp chất dinh dưỡng, cách thức xây dựng khẩu phần ăn, cách đánh giá tình trạng dinh dưỡng. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có thể vận dụng để đánh giá tình trạng dinh dưỡng và xây dựng khẩu phần ăn cho từng đối tượng cụ thể.	Khoa Y
22	PHI 100	Phương Pháp Luận (gồm Nghiên Cứu Khoa Học)	2	Thu thập thông tin, suy nghĩ và ra quyết định là những hoạt động thường nhật của mỗi người. Tuy nhiên, ngoại trừ với những quyết định lớn, người ta thường xem thường các phương pháp liên quan để tiếp cận quyết định sau cùng. Đến lúc phải đối mặt với những vấn đề hay quyết định lớn, người ta thường tỏ ra thiếu chuẩn bị. Học phần này vì vậy tập trung giới thiệu và thảo luận một số phương pháp thông dụng trong thu thập thông tin chính xác, suy nghĩ phê phán và ra quyết định một cách có hiệu quả. Người học được khuyến khích tự do tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến của bản thân vì đây thật sự là những chủ đề mang tính “mở”.	Khoa Lý luận chính trị
23	PHY 101	Vật Lý Đại Cương	3	Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về chuyển động cơ học, năng lượng cơ học và cơ học chất lưu. Tất cả các vấn đề trên được	Khoa Khoa học tự nhiên

				áp dụng vào các bài toán thực tiễn trong đời sống cũng như các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, công nghệ... Bên cạnh đó, các bài thí nghiệm được bố trí song hành giúp sinh viên hiểu rõ bản chất cũng như giải thích hiện tượng, tính toán và đo đạc các đại lượng liên quan.	
24	JAP 116	Nhật ngữ cơ sở 1	1	Chương trình trong học phần này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên nắm được hệ thống ngữ âm tiếng Nhật, nắm được cách viết các chữ Romaji, Hiragana, Katakana và Kanji (Hán tự) và một số câu căn bản tiếng Nhật.	Khoa Tiếng Nhật
25	ANA 202	Giải Phẫu Học 2	2	Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản và chi tiết giải phẫu của tất cả các bộ phận trong cơ thể người. Mô tả được liên quan của từng bộ phận trong các hệ thống, các cơ quan của cơ thể người. Nêu được tầm quan trọng của môn giải phẫu học là môn học cơ sở trong tất cả các môn cơ sở và các môn lâm sàng trong y học. Ứng dụng các hiểu biết về Giải phẫu học trong các môn y học khác và trong thực tế phòng bệnh, điều trị hướng tới việc chăm sóc sức khỏe ban đầu.	Khoa Y
26	ANA 203	Mô Phôi	2	Mô phôi cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo hình thái vi thể của các mô và cơ quan, chủ yếu là những cơ quan bình thường của cơ thể người, mối liên hệ giữa cấu tạo và chức năng của các mô và cơ quan trong cơ thể cũng như giữa cơ thể với môi trường. Từ đó có thể giúp sinh viên học tốt những môn y học cơ sở và y học lâm sàng.	Khoa Y
27	ENG 166	Reading - Level 2	1	Môn học này cung cấp các kiến thức sau: Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ; Tính từ và trạng từ; Các dạng bài đọc và các chiến lược đọc bài cho mỗi loại trong bài thi TOEIC Reading.	Khoa Ngoại ngữ
28	IMN 250	Sinh Lý Bệnh - Miễn Dịch	2	Sinh lý bệnh miễn dịch gồm hai phần Sinh lý bệnh học và Miễn dịch học. Trong đó, phần Sinh lý bệnh học cung cấp kiến thức cơ bản về cơ chế phát sinh, phát triển và kết thúc của bệnh, những thay đổi về hoạt động chức năng của cơ thể, cơ quan, mô và tế bào khi chúng bị bệnh, từ đó rút ra những quy luật hoạt động của bệnh nói chung. Phần	Khoa Y

				Miễn dịch học cung cấp kiến thức cơ bản về các cơ chế đáp ứng miễn dịch chung của cơ thể, vai trò của các cơ quan và tế bào tham gia vào quá trình miễn dịch, từ đó hiểu được cách thức bảo vệ cơ thể của hệ thống miễn dịch cũng như cơ chế gây nên các bệnh lý miễn dịch phổ biến trong cộng đồng.	
29	MIB 253	Ký Sinh Trùng	1	Ký sinh trùng Y học đại cương là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: Đặc điểm sinh học, sinh thái học, hình thể... của các loài Ký sinh trùng gây bệnh và truyền bệnh cho con người và vật nuôi gần người; Cơ chế gây bệnh, truyền bệnh của các loài ký sinh trùng; Các phương pháp chẩn đoán và điều trị do bệnh ký sinh trùng gây ra; Phương pháp phòng chống và giảm thiểu nguy cơ bị lây nhiễm các bệnh ký sinh trùng.	Khoa Y
30	NUR 248	Thực Tập Điều Dưỡng I	3	Môn học này tạo điều kiện cho sinh viên thực hành các kỹ thuật cơ bản trên lâm sàng, làm quen với môi trường bệnh viện, công việc của từng khoa phòng.	Khoa Điều dưỡng
31	NUR 251	Điều Dưỡng Cơ Bản 1	4	Điều dưỡng cơ bản 1 cung cấp những kiến thức lý thuyết cơ bản về lịch sử ngành điều dưỡng, quy trình điều dưỡng, các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản. Đồng thời phát triển kỹ năng thực hành các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản đó. Giúp làm nền tảng cơ sở cho sinh viên thực hành, thực tập những kỹ năng điều dưỡng đã học trên lâm sàng.	Khoa Điều dưỡng
32	NUR 296	Tranh Tài Giải Pháp PBL	1	Môn học này bao gồm các bài giảng về cách nhận định, phân tích và giải quyết vấn đề dưới dạng các bài tập, hoạt động được tổ chức tại lớp. Sinh viên tham gia làm việc theo nhóm để tìm hướng giải quyết vấn đề một cách tối ưu nhất. Mỗi nhóm sẽ trình bày kết quả thông qua một bài thuyết trình, một sản phẩm cụ thể hoặc một tình huống tự xây dựng.	Khoa Điều dưỡng
33	PMY 300	Dược Lý Học cho Y	2	Dược lý học là môn học giúp sinh viên trình bày được dược động học, dược lực học, áp dụng điều trị, hướng dẫn sử dụng của các thuốc đại diện trong từng nhóm. Phân tích được tác dụng không mong muốn, độc tính của thuốc để có thái độ xử trí cấp cứu khi có các tai biến xảy ra.	Khoa Y

34	JAP 117	Nhật ngữ cơ sở 2	1	Chương trình trong học phần này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên khoảng 200 từ vựng được trải dài qua 3 bài khóa mẫu được trích trong Giáo trình Tiếng Nhật cho mọi người 1 (Minna no Nihongo 1). Sau khi hoàn thành học phần này sinh viên sẽ nắm được ngữ pháp căn bản tiếng Nhật, một số loại hình câu đơn căn bản, câu danh từ, câu động từ, các dạng câu hỏi đúng sai, câu hỏi với từ hỏi “だれ”、“なん”、“どこ”、“いくら”、“どちら”、cách đọc số, cách diễn đạt ngày tháng năm. Có kiến thức tổng quát này làm nền tảng cho việc đi sâu tìm hiểu về tiếng Nhật ở lĩnh vực Ngữ pháp căn bản tiếng Nhật.	Khoa Tiếng Nhật
35	IMD 251	Nội Cơ Sở 1	2	Nội cơ sở là môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cách tiếp xúc bệnh nhân, khai thác các triệu chứng cơ năng, thăm khám lâm sàng, phát hiện các triệu chứng thực thể, cơ chế bệnh sinh của các rối loạn bệnh lý, các xét nghiệm cận lâm sàng, chẩn đoán bệnh nội khoa.	Khoa Y
36	MCH 250	Sản & Nhi Cơ Sở	2	Sản và Nhi cơ sở là một học gồm 2 phần cơ bản: sản và nhi. Môn học này giúp sinh viên nhận biết được các biểu hiện bất thường về sản phụ khoa, những thay đổi giải phẫu sinh lý trước trong và sau sinh, một số thủ thuật về sản phụ khoa; những đặc điểm phát triển ở trẻ em, những biểu hiện bệnh lý và cách xử lý một số bệnh thường gặp ở trẻ em.	Khoa Y
37	MED 268	Y Đức	2	Đạo đức y khoa là một môn học tập hợp các nguyên tắc đạo đức, niềm tin và giá trị hướng dẫn bác sĩ lâm sàng trong việc đưa ra lựa chọn về chăm sóc y tế. Cốt lõi của đạo đức y khoa là ý thức của bác sĩ lâm sàng về đúng sai và niềm tin của bác sĩ lâm sàng về quyền và nhiệm vụ của bác sĩ lâm sàng trong chăm sóc sức khỏe. Suy nghĩ cẩn thận về các khía cạnh đạo đức của các quyết định chăm sóc sức khỏe giúp bác sĩ lâm sàng đưa ra lựa chọn đúng đắn, tốt đẹp, và công bằng.	Khoa Y
38	DTE 201	Đạo đức trong công việc	2	Môn học này cung cấp các kiến thức nền tảng cho mỗi cá nhân về đạo đức trong công việc, trách nhiệm xã hội của công ty và quyền lợi của người lao động. Mục đích của khóa học nhằm giúp người học hiểu các quan điểm về đạo đức, nhấn mạnh đến	Khoa Kinh tế tài chính

				phương pháp ra quyết định đạo đức cho cá nhân trong công việc để hướng đến một môi trường sống và làm việc ngày càng tốt hơn.	
39	LAW	Pháp luật đại cương	2	Môn học này cung cấp cho sinh viên tất cả những kiến thức cơ bản về những kiến thức lý luận cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng. Từ đó giúp cho sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cụ thể, giúp cho sinh viên hiểu biết hơn về pháp luật để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.	Khoa KHXH và NV
40	NTR 413	Tiết chế	1	Môn Tiết chế cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc chính trong chế độ ăn cho người bệnh, cách thức lựa chọn thực phẩm cho từng người bệnh cụ thể. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có thể tư vấn về chế độ dinh dưỡng đối với từng đối tượng bệnh cụ thể, giúp rút ngắn thời gian nằm viện, góp phần nâng cao chất lượng điều trị.	Khoa Y
41	NUR 300	Điều Dưỡng Cơ Bản 2	3	Điều dưỡng cơ bản 2 cung cấp những kiến thức lý thuyết cơ bản về kiểm soát nhiễm khuẩn, các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, kỹ năng sơ cứu ban đầu và trợ giúp trong một số kỹ thuật nâng cao. Đồng thời phát triển kỹ năng thực hành các kỹ thuật điều dưỡng. Giúp làm nền tảng cơ sở cho sinh viên thực hành, thực tập những kỹ năng điều dưỡng đã học trên lâm sàng.	Khoa Điều dưỡng
42	PHI 150	Triết học Marx - Lenin	3	Môn Triết học Mác - Lênin cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Hướng dẫn sinh viên sử dụng những lý thuyết được học để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong học tập, cuộc sống cũng thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	Khoa Lý luận chính trị
43	STA 151	Lý Thuyết Xác Suất & Thống Kê Toán	3	Môn học này trình bày những nội dung cơ bản về: Một số phân phối xác suất; Các tham số đo lường theo khuynh hướng định tâm: mean, median, mode, và midrange; Các tham số đo lường sự biến thiên: phương sai, độ lệch chuẩn; Kiểm định Z và kiểm	Khoa Khoa học tự nhiên

				định T; Kiểm định Chi-squared; Tương quan và Hồi quy tuyến tính	
44	SUR 251	Ngoại Cơ Sở 1	2	Môn học Ngoại cơ sở 1 cung cấp các kiến thức về cách khám bệnh ngoại khoa các cơ quan và mô tả các triệu chứng bệnh lý kèm theo. Các nội dung trình bày trong học phần này là những kiến thức kinh điển và đã được cập nhật nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết, làm cơ sở vững chắc trong việc khám bệnh lâm sàng.	Khoa Y
45	JAP 118	Nhật ngữ cơ sở 3	1	Chương trình trong học phần này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về tiếng Nhật ở trình độ nghe và nói được tiếng Nhật với các chủ đề quen thuộc, gần gũi, câu hỏi và đáp, hội thoại ngắn như: cách hỏi đường đi, đưa ra lời mời rủ rê mời mọc, hỏi thăm sinh hoạt hằng ngày, cách nói về thứ ngày tháng, cách nói về sở thích, cách đưa ra lý do để từ chối, mô tả sự vật, sự việc, cách diễn đạt khi muốn đồ vật và muốn làm sự việc gì đó.	Khoa Tiếng Nhật
46	ENG 167	Writing - Level 2	1	Môn học này cung cấp các kiến thức sau: Câu ghép và mệnh đề trạng ngữ nhằm để viết mô tả tranh dựa trên các từ gợi ý cho sẵn; Ngôn ngữ để giải thích vấn đề, đưa ra yêu cầu và đề nghị, đưa ra mệnh lệnh và mệnh lệnh lịch sự trong viết e-mail phản hồi; Câu chủ đề, từ nối giữa các ý chính và dàn ý của bài luận trình bày quan điểm.	Khoa Ngoại ngữ
47	ENG 168	Listening - Level 2	1	Môn học này cung cấp những nội dung sau: Các từ vựng phổ biến liên quan đến đời sống hằng ngày và các công việc văn phòng; Các cấu trúc diễn tả hành động hoặc vị trí; Các dạng câu hỏi với Who/Where/When/Why/What; Các dạng bài tập Nghe TOEIC bao gồm Mô tả tranh, Hỏi-Đáp, Hội thoại ngắn và Bài nói ngắn.	Khoa Ngoại ngữ
48	ENG 169	Speaking - Level 2	1	Môn học này cung cấp những nội dung sau: Các từ và âm dễ nhầm lẫn, trọng âm và ngữ điệu trong Tiếng Anh; Trật tự của tính từ, động từ khiếm khuyết; Các cấu trúc và từ vựng để mô tả nơi chốn, ngoại hình, cảm xúc; Câu hỏi với Who/What/Which/Where/When/Why/How và các câu trả lời có thể có; Các cách diễn đạt phổ biến về khoảng thời gian, tần suất,	Khoa Ngoại ngữ

				số lượng, hỗ trợ một quan điểm, đưa ra lý do; Từ vựng liên quan đến công việc, phòng ban, nơi chốn, cụm từ chỉ thời gian, tiền bạc, các con số; Các loại tranh về người, vật thể và cảnh; Các loại câu hỏi phỏng vấn thông thường, câu hỏi về giải trí và thực phẩm; Các văn bản thông tin như quảng cáo, memo, lịch trình sự kiện, lịch hội nghị, lộ trình; Các dạng bài tập Nói TOEIC bao gồm Đọc lớn một đoạn văn, Mô tả tranh, Trả lời câu hỏi, Trả lời câu hỏi dựa vào thông tin cho sẵn.	
49	HIS 362	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	Môn Lịch sử Đảng CSVN ngoài chương mở đầu giới thiệu đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn LSD, nội dung môn học gồm 4 : chương I 1930-1945 Đảng ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền , chương II . 1945- 1975 Đảng lãnh đạo các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế. chương III 1975- 2018 Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và công cuộc đổi mới. Chương IV kết luận	Khoa Lý luận chính trị
50	NUR 302	Điều Dưỡng Nội 1	2	Môn học này bao gồm các bài giảng về chăm sóc thuộc chuyên ngành tim mạch, hô hấp, nội tiết. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của một số bệnh lý nội khoa về tim mạch, hô hấp, nội tiết thường gặp. Nội dung môn học tập trung vào hướng dẫn cách nhận định, chẩn đoán điều dưỡng và lập kế hoạch chăm sóc phù hợp với từng bệnh lý	Khoa Điều dưỡng
51	NUR 303	Điều Dưỡng Ngoại 1	2	Môn học này bao gồm các bài giảng về chăm sóc ngoại khoa thuộc chuyên ngành tiêu hóa, tiết niệu. Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển và biến chứng, hướng điều trị của các bệnh lý ngoại khoa về tiêu hóa, tiết niệu thường gặp. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nhận định và chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc phù hợp cho từng bệnh lý ngoại khoa. Do đó, sinh viên có thể hỗ trợ và trực tiếp tham gia vào công tác chăm sóc người bệnh khi đi thực tập tại cơ sở y tế.	Khoa Điều dưỡng
52	NUR 305	Điều Dưỡng cho gia đình có trẻ	2	Môn học này bao gồm các bài giảng về sự tăng trưởng thể chất, cách sử dụng thuốc,	Khoa Điều

		con 1		chế độ ăn cho trẻ, chăm sóc trẻ bị bệnh. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản và chuyên ngành về chăm sóc một số bệnh lý của trẻ. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ hỗ trợ và trực tiếp tham gia vào công tác chăm sóc trẻ khi đi thực tập tại các cơ sở y tế.	đưỡng
53	NUR 396	Tranh Tài Giải Pháp PBL	1	PBL (Project-based learning) – học tập dựa vào dự án là phương pháp học tập tích cực, người học cùng với nhóm của mình sẽ thực hiện một dự án về vấn đề được quan tâm. Các nội dung của môn học tập trung giới thiệu về phương pháp học tập dựa vào dự án, quy trình học dựa vào dự án, cách xác định đề tài Technology in Education nghiên cứu, các bước lập kế hoạch và triển khai thực hiện dự án khoa học. Sản phẩm cuối cùng là một báo cáo nghiên cứu khoa học được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể.	Khoa Điều dưỡng
54	POS 351	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành Chủ nghĩa Mác – Lênin. Dựa vào cơ sở lý luận của triết học và kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học luận giải sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; quá trình nảy sinh cách mạng xã hội chủ nghĩa; quá trình hình thành và phát triển hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa cùng những vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội như: vấn đề dân chủ, nhà nước; liên minh giai cấp – tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề gia đình). Trong chủ nghĩa xã hội khoa học, “giai cấp công nhân” và “sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân” là những phạm trù cơ bản nhất.	Khoa Lý luận chính trị
55	POS 151	Kinh tế chính trị Marx - Lenin	2	Môn học này cung cấp các kiến thức về những học thuyết kinh tế của Chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa như: học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết kinh tế về CNTB độc quyền và CNTB độc quyền nhà nước. Đồng thời làm sáng tỏ kinh tế chính trị thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam..	Khoa Lý luận chính trị
56	SPM 302	Dịch Tế Học	2	Dịch tế học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Dịch tế học cơ sở và Dịch tế học các bệnh phổ biến. Gồm những khái niệm cơ bản về đo lường số đo Dịch tế	Khoa Y



				học cũng như tiếp cận các loại thiết kế nghiên cứu Dịch tễ học. Ngoài ra môn học cung cấp những kiến thức về các bệnh phổ biến và cách dự phòng bệnh.	
57	JAP 119	Nhật ngữ cơ sở 4	1	Chương trình trong học phần này được thiết kế gồm 3 đơn vị bài học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về tiếng Nhật ở trình độ sơ cấp. Sau khi kết thúc học phần này sinh viên nắm được các điểm ngữ pháp căn bản như đặt câu vị ngữ là tính từ, câu với động từ “あります”, “います”, câu trình bày nguyên nhân kết quả, các dạng câu hỏi với từ để hỏi “どう”, “どんな”, “どして”.	Khoa Tiếng Nhật
58	ENG 216	Reading - Level 3	1	Môn học này cung cấp các kiến thức sau: Chức năng của To-infinitive và Gerund, các động từ theo sau To-infinitive và Gerund; Các hình thức so sánh của tính từ và trạng từ; Các thể loại bài đọc như Bảng thông tin, Thư mời, Hoá đơn, Lịch trình và Bảng điều tra.	Khoa Ngoại ngữ
59	ENG 217	Writing – Level 3	1	Môn học này cung cấp những kiến thức sau: Mệnh đề tính từ, mệnh đề danh từ và thể bị động; Ngôn ngữ để đưa ra lời hướng dẫn và chỉ đường, đưa ra lời yêu cầu và trả lời yêu cầu trong viết e-mail phản hồi; Viết một đoạn mở bài hoàn chỉnh, phát triển ý bằng cách đưa ra các lý do và ví dụ của bài luận trình bày quan điểm.	Khoa Ngoại ngữ
60	ENG 218	Listening - Level 3	1	Môn học này cung cấp những nội dung sau: Các từ vựng phổ biến liên quan đến giao thông, trang thiết bị, dụng cụ, giá cả, thời tiết, công việc; Các cụm giới từ phổ biến; Hình thức của động từ gồm Quá khứ phân từ và V-ing; Các cấu trúc câu hỏi với What/ Who/ When/ How; Be/ Do/ Have/ Can/ Could/ Will/ Would/ Should/ May và các câu trả lời có thể được cho những câu hỏi này; Các dạng bài tập Nghe TOEIC bao gồm Mô tả tranh, Hỏi-Đáp, Hội thoại ngắn và Bài nói ngắn.	Khoa Ngoại ngữ
61	NUR 306	Điều Dưỡng cho gia đình có người già 1	2	Môn học này bao gồm các bài giảng về đại cương và chăm sóc cơ bản người cao tuổi. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về	Khoa Điều dưỡng

				đại cương, sự thay đổi tâm sinh lý, hướng dẫn cách giao tiếp, cách thăm khám và cách chăm sóc một số vấn đề về thể chất và tinh thần cho người cao tuổi. Trang bị cho sinh viên kiến thức, giúp sinh viên tiếp cận, xử lý những nhu cầu chăm sóc của người bệnh trong các tình huống cụ thể trên lâm sàng.	
62	NUR 313	Điều Dưỡng Cấp Cứu - Hồi Sức	2	Môn học này bao gồm các bài giảng về đại cương và hồi sức cấp cứu người bệnh. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu. Trang bị cho sinh viên kiến thức, giúp sinh viên tiếp cận, xử lý những nhu cầu chăm sóc của người bệnh trong các tình huống cụ thể trên lâm sàng.	Khoa Điều dưỡng
63	NUR 402	Điều Dưỡng Nội 2	2	Môn học này bao gồm các bài giảng về chăm sóc thuộc chuyên ngành tiết niệu, cơ xương khớp, tiêu hóa. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về nguyên nhân; triệu chứng; biến chứng của một số bệnh lý nội khoa về tiết niệu, cơ xương khớp, tiêu hóa thường gặp; tập trung vào hướng dẫn cách nhận định, chẩn đoán điều dưỡng và lập kế hoạch chăm sóc phù hợp với từng bệnh lý. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ hỗ trợ và trực tiếp tham gia vào công tác chăm sóc người bệnh khi đi thực tập tại cơ sở y tế.	Khoa Điều dưỡng
64	NUR 403	Điều Dưỡng Ngoại 2	2	Môn học này bao gồm các bài giảng về chăm sóc ngoại khoa thuộc chấn thương, ung thư, cơ xương khớp, bỏng. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển và biến chứng, hướng điều trị của các bệnh lý ngoại khoa về chấn thương, ung thư, cơ xương khớp, bỏng. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nhận định và chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc phù hợp cho từng bệnh lý ngoại khoa. Do đó, sinh viên có thể hỗ trợ và trực tiếp tham gia vào công tác chăm sóc người bệnh khi đi thực tập tại cơ sở y tế.	Khoa Điều dưỡng
65	NUR 405	Điều Dưỡng cho gia đình có trẻ con 2	2	Môn học này bao gồm các bài giảng về chăm sóc trẻ mắc các bệnh lý nhi khoa thường gặp. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng và chăm sóc nhiễm trùng sơ sinh; trẻ mắc các bệnh lý về tiêu hóa, hô hấp, thận, tim mạch, thần kinh. Từ đó giúp sinh	Khoa Điều dưỡng

				viên thực hiện được quy trình chăm sóc phù hợp cho từng bệnh lý ở trẻ em trên lâm sàng.	
66	POS 361	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	2	Môn tư tưởng Hồ Chí Minh ngoài chương mở đầu giới thiệu đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung môn học gồm 7 chương: chương I trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương II đến chương VII trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh về quá trình vận động, phát triển cách mạng Việt Nam.	Khoa Lý luận chính trị
67	REM 400	Phục Hồi Chức Năng	2	Môn học bao gồm các bài giảng về chuyên ngành PHCN. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về đại cương PHCN, các thương tật thứ phát thường gặp và cách phòng ngừa, quá trình tàn tật và biện pháp phòng ngừa, đại cương về xoa bóp, một số vấn đề về chăm sóc điều dưỡng ở người bệnh bị tổn thương tủy sống và tổn thương não khác, phục hồi chức năng người bệnh bỏng, người bệnh cắt cụt chi và trẻ bại não. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ hỗ trợ và trực tiếp tham gia vào các công tác chăm sóc người bệnh đi thực tập tại các cơ sở y tế.	Khoa Điều dưỡng
68	SOC 323	Dân Số Học - Kế Hoạch Hóa Gia Đình - Sức Khỏe Gia Đình	1	Dân số học – Kế hoạch hóa gia đình – Sức khỏe gia đình cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dân số học, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe gia đình. Bao gồm những kiến thức về quy mô dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân số và chất lượng dân số; biện pháp Chăm sóc Sức khỏe sinh sản; chăm sóc Sức khỏe sinh sản Vị thành niên; bảo vệ sức khỏe bà mẹ - trẻ em; làm mẹ an toàn; các biện pháp tránh thai; Ngoài ra, Môn học cũng giới thiệu hệ thống thống kê những dữ liệu chính về dân số, KHHGD và bảo vệ sức khỏe bà mẹ - trẻ em; Quan điểm chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình Chiến lược Dân số - Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020.	Khoa Y
69	ENG 219	Speaking - Level 3	1	Môn học này cung cấp những nội dung sau: Tính mạch lạc trong câu, hình thức so sánh;	Khoa Ngoại ngữ

				<p>Các cụm từ thường được sử dụng trong đời sống hằng ngày và tại nơi làm việc; Các loại tin nhắn thoại và các cụm từ thường dùng; Cách diễn đạt xin lỗi, hiểu rõ vấn đề, đưa ra lý do, đề xuất giải pháp; Các cụm từ phổ biến để bày tỏ quan điểm; Các chủ đề phổ biến về bày tỏ quan điểm; Các dạng bài tập Nói TOEIC bao gồm Mô tả tranh, Trả lời câu hỏi, Trả lời câu hỏi dựa vào thông tin cho sẵn, Đề xuất một giải pháp, và Trình bày một quan điểm.</p>	
70	EVR 205	Sức Khỏe Môi Trường	2	<p>Môn học này trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quan về lĩnh vực khoa học môi trường đồng thời truyền đạt những thông tin thiết thực nhất về sự tác động của sức khỏe môi trường đến cuộc sống của con người, sự cần thiết của việc kiểm soát các yếu tố độc hại trong môi trường tự nhiên. Từ đó đưa ra các phương pháp kiểm soát các tác nhân gây bệnh, lập kế hoạch môi trường với mục tiêu cải thiện chất lượng sống cho con người bằng cách xây dựng một xã hội bền vững.</p>	Khoa Y
71	HIS 221	Lịch sử văn minh thế giới 1	2	<p>Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời và phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong thời kỳ Cổ đại. Nội dung của mỗi chương sẽ làm rõ những điều kiện hình thành nền văn minh, giới thiệu trình độ phát triển kinh tế và phân hóa xã hội, những thành tựu về văn hóa vật chất và tinh thần của một số nền văn minh cổ đại bao gồm Lương Hà, Ai Cập, Ấn Độ, Trung Quốc, Hy Lạp và La Mã.</p>	Khoa KHXH và NV
72	HIS 222	Lịch sử văn minh thế giới 2	2	<p>Lịch sử văn minh thế giới 2 tóm tắt lại những sự kiện lịch sử và những phát triển khoa học kỹ thuật của văn minh nhân loại từ năm 1750 cho đến nay. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về phát triển xã hội cận hiện đại như sự chuyển biến từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản, các cuộc phát kiến địa lý và những cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới. Những cuộc phát kiến địa lý và những con đường mới đến châu Á bằng đường thủy đã thúc đẩy văn minh châu Âu trên khắp thế giới nhưng chỉ là lớp “veneer” mỏng cho các nền văn minh địa phương lâu</p>	Khoa KHXH và NV

				đời.	
73	AHI 392	Lịch sử kiến trúc phương Tây	2	Lịch sử kiến trúc phương Tây là môn cung cấp những kiến thức nổi bật về quá trình phát triển của các nền kiến trúc phương Tây dưới sự tác động có tính quyết định của các nhân tố tự nhiên như hoàn cảnh địa lý, khí hậu, địa hình địa chất, vật liệu xây dựng... và hoàn cảnh xã hội lịch sử, chế độ chính trị, tôn giáo... từ thời kỳ tiền sử đến đương đại.	Khoa KHXH và NV
74	AHI 391	Lịch sử kiến trúc phương Đông & Việt Nam	2	Môn học này cung cấp cho sinh viên quá trình phát triển của các nền kiến trúc thế giới từ cổ đại đến hiện đại. Mục đích của môn học giúp sinh viên nắm bắt những đặc trưng của các nền kiến trúc trên thế giới.	Khoa KHXH và NV
75	MED 362	Y Học Cổ Truyền	2	Môn học cung cấp thông tin cho sinh viên những nội dung cơ bản của một số học thuyết Y học cổ truyền, những nguyên tắc cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh theo Y học cổ truyền, thực hành chẩn đoán và chữa một số bệnh thông thường bằng Y học cổ truyền tại tuyến y tế cơ sở, làm các thủ thuật xoa bóp, bấm huyệt, châm cứu.	Khoa Y
76	MGT 433	Quản Lý Điều Dưỡng	2	Quản lý điều dưỡng là môn học gồm có 2 phần chính: Quản lý điều dưỡng và nghiên cứu khoa học điều dưỡng. Các nội dung chủ yếu cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên ngành về tổ chức ngành Điều dưỡng, công tác quản lý Điều dưỡng và các phương pháp nghiên cứu khoa học để sinh viên có khả năng vận dụng linh hoạt những kiến thức đã học vào thực tiễn	Khoa Điều dưỡng
77	NUR 406	Điều Dưỡng cho gia đình có người già 2	2	Môn học Điều dưỡng cho gia đình có người già 2 cung cấp các kiến thức cơ bản về quy trình chăm sóc điều dưỡng toàn diện cho người cao tuổi mắc các bệnh lý về tim mạch, thần kinh, cơ xương khớp, tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, nội tiết. Trang bị cho sinh viên kiến thức, giúp sinh viên tiếp cận, xử lý những nhu cầu chăm sóc của người bệnh trong các tình huống cụ thể trên lâm sàng.	Khoa Điều dưỡng
78	NUR 423	Điều Dưỡng Chuyên Khoa Hệ Nội	2	Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội là môn học có 3 phần chính: Tâm thần, lao và da liễu. Môn học này bao gồm những bài giảng chăm sóc người bệnh tâm thần, lao và da liễu sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, chẩn	Khoa Điều dưỡng

				đoán và chăm sóc người bệnh mắc các bệnh tâm thần, lao và da liễu. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ hỗ trợ và trực tiếp tham gia công tác chăm sóc người bệnh khi đi thực tập tại các cơ sở y tế.	
79	NUR 433	Điều Dưỡng Chuyên Khoa Hệ Ngoại	2	Điều dưỡng chuyên khoa hệ Ngoại gồm có 3 phần chính: Mắt, Tai Mũi Họng và Răng Hàm Mặt. Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản về giải phẫu, sinh lý, bệnh học và một số kỹ thuật, thủ thuật và quy trình điều dưỡng chăm sóc người bệnh mắc các bệnh thường gặp về tai mũi họng, mắt và răng hàm mặt.	Khoa Điều dưỡng
80	NUR 448	Thực Tập Điều Dưỡng II	5	Môn học này tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với công việc thực tế tại các cơ sở y tế, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trên lâm sàng, thực hành các kỹ năng của người điều dưỡng một cách thành thạo. Đồng thời tạo điều kiện cho sinh viên thực hiện đề tài tốt nghiệp.	Khoa Điều dưỡng
81	SPM 413	Tổ Chức Y Tế - Chương Trình Y Tế Quốc Gia	1	Tổ chức y tế-Chương trình y tế Quốc Gia cung cấp những kiến thức cơ bản về: Hệ thống tổ chức ngành y tế Việt Nam; Các chương trình mục tiêu y tế quốc gia, chăm sóc sức khỏe ban đầu; Quản lý y tế.	Khoa Y

## 11. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

### 11.1. Đội ngũ giảng viên

Đội ngũ cán bộ cơ hữu của trường Đại học Duy Tân có đủ điều kiện đảm bảo về số lượng, chất lượng, trình độ và cơ cấu để tham gia đào tạo cử nhân điều dưỡng trình độ đại học.

### 11.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

#### 11.2.1. Phòng học, giảng đường

Trường đã trang bị hệ thống cơ sở vật chất với đầy đủ trang thiết bị khang trang, hiện đại đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu, làm việc cho học viên, sinh viên, giảng viên, chuyên gia nghiên cứu cũng như cán bộ, chuyên viên, nhân viên trong Trường. Đến nay, Trường đã tạo dựng được hệ thống cơ sở vật chất với 61.697 m<sup>2</sup> đất thuộc sở hữu của Trường, xây dựng được 82.362,2 m<sup>2</sup> sàn, trong đó có 62.135,22 m<sup>2</sup> sàn trực tiếp phục

vụ đào tạo, bình quân đạt 3,1 m<sup>2</sup>/sinh viên đảm bảo điều kiện chất lượng đào tạo tại 6 cơ sở đào tạo chính.

Cơ sở số 03 và K7/25 Quang Trung: Số 03 hoặc K7/25 đường Quang Trung, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Cơ sở 254 Nguyễn Văn Linh và 209 Phan Thanh: Số 254 đường Nguyễn Văn Linh, hoặc số 209 đường Phan Thanh, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng;

Cơ sở 137 Nguyễn Văn Linh: Số 137 đường Nguyễn Văn Linh, phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Cơ sở 3.5 ha - Hoà Khánh Nam: Số 120 đường Hoàng Minh Thảo, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Cơ sở Hà Bồng: Số 59 đường Hà Bồng, phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Cơ sở 2.1 ha - Phan Hành Sơn: Số 02 đường Phan Hành Sơn, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

#### 11.2.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành

Hệ thống phòng thí nghiệm - thực hành hiện đại như: Phòng thí nghiệm Quang phổ, phòng thực hành kế toán ảo, Trung tâm y khoa mô phỏng, Phòng thí nghiệm Lý hóa, Hóa – sinh, Vi sinh, Y sinh, Môi trường, Giải phẫu, Điều dưỡng, Dược lý, Bào chế dược liệu, Sinh lý bệnh, Hệ thống nhúng, Robot – Micromouse, Điện – Điện tử, Viễn thông, Cơ học đất, Thủy lực, Vật liệu xây dựng, Sức bền vật liệu, Trắc địa, Vẽ kỹ thuật, Audio và Video, Lễ tân, Bếp, Bồn, Phòng,... , 02 phòng ghi âm và thu hình; vườn thuốc đạt chuẩn ngành Dược; 100% phòng học được trang bị máy chiếu đa phương tiện, máy điều hòa. Các phòng thí nghiệm được trang bị đầy đủ thiết bị trong đó có nhiều thiết bị, máy móc hiện đại.

Trong đó, các phòng thực hành kỹ năng Điều dưỡng được chú trọng đầu tư và liên tục được bổ sung các máy móc cần thiết phục vụ đào tạo và nghiên cứu.

Khoa Điều dưỡng hiện quản lý 02 phòng thực hành phục vụ công tác đào tạo, ngoài ra, các môn cơ sở còn được hỗ trợ bởi hệ thống phòng thí nghiệm của các khoa/trung tâm thí nghiệm khác.

Hệ thống thông tin, mạng internet và mạng wifi miễn phí phủ khắp toàn Trường. Trường đã đầu tư hoàn thiện hệ thống Data Center phục vụ công tác đào tạo theo học

chế tin chỉ, đào tạo từ xa dưới dạng E-Learning. Trang bị 244 máy chiếu, 1.997 máy vi tính hiện đại được kết nối mạng. Các trang thiết bị khác như máy in, máy scanner, máy đọc barcode, máy chấm thi trắc nghiệm khách quan, công từ được trang bị đầy đủ. Bên cạnh hệ thống trang thiết bị, Trường còn thành lập các đơn vị chuyên sâu, chuyên trách nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược như: Trung tâm Công nghệ phần mềm (CSE), Trung tâm Công nghệ thông tin (CIT), Trung tâm Điện – Điện tử (CEE).

**Thông kê cơ sở vật chất đặc thù phục vụ đào tạo ngành Điều dưỡng**

STT	Tên gọi của mô hình, thiết bị	Nước sản xuất	Số Lượng	Tên học phần sử dụng
1	Giường bệnh	Mỹ, Việt Nam	8	NUR 251 NUR 300
2	Mô hình chăm sóc bệnh nhân nữ	Mỹ	1	
3	Mô hình chăm sóc bệnh nhân	Mỹ	4	
4	Mô hình đặt ống thông dạ dày Model: GD/H80	Mỹ	3	
5	Mô hình tiêm truyền tĩnh mạch	Nhật, Trung Quốc	8	
6	Mô hình tiêm mông	Trung Quốc	8	
7	Mô hình chăm sóc trẻ sơ sinh 1 tháng tuổi	Mỹ	5	
8	Mô hình thông tiểu nữ	Nhật, Trung Quốc	4	
9	Mô hình thông tiểu nam	Nhật, Trung Quốc	3	
10	Mô hình thí nghiệm giảng dạy về bệnh đái đường	Trung Quốc	1	
11	Mô hình thí nghiệm HL cấp cứu nhân tạo trẻ em	Mỹ	1	
12	Mô hình thí nghiệm HL khám vú	Mỹ	1	
13	Mô hình thí nghiệm thay băng khâu vết thương Model:GD/LV18	Trung Quốc	1	
14	Mô hình thí nghiệm vết thương hở không khâu Model GD/H111-20	Trung Quốc	4	
15	Mô hình thí nghiệm chuẩn bệnh hồi sức cấp cứu		1	



16	Mô hình vết thương	Trung Quốc	10	
17	Máy hút đàm giải	Việt Nam	3	
18	Máy kit dụng cụ vô khuẩn	Việt Nam	1	
19	Máy đo huyết áp		30	
20	Cân và thước đo	Trung Quốc	2	
21	Bồn rửa tay ngoại khoa	Việt Nam	1	
22	Đèn soi tai mũi	Việt Nam	10	
23	Đèn soi đáy mắt	Việt Nam	10	
24	Kính hiển vi soi tai - LED pocket Otoscope	Việt Nam	10	

**Hệ thống PTH Khoa Điều dưỡng các môn chuyên ngành và các phòng/trung tâm hỗ trợ được liệt kê ở bảng sau:**

STT	Tên PTH/BV	Địa điểm	Cơ Sở	Nội dung
1	Phòng thực hành kỹ năng điều dưỡng	401F	120 Hoàng Minh Thảo	Phục vụ đào tạo tiền lâm sàng, nghiên cứu của sinh viên và giảng viên
2	Phòng thực hành kỹ năng điều dưỡng	408F	120 Hoàng Minh Thảo	
3	Trung tâm thí nghiệm	Nhiều phòng	K7/25 Quang Trung	Đảm nhận hỗ trợ các môn học đại cương, đại cương ngành tại Phòng thí nghiệm

**11.3. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo, mạng công nghệ thông tin**

Hệ thống 02 thư viện, được trang bị hiện đại gồm 194.012 đầu sách, tạp chí, ebook..., 85 máy tính, hơn 50 máy đọc sách điện tử với đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài, tạp chí chuyên ngành đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác học tập nghiên cứu tại Thư viện. Thư viện đã sử dụng phần mềm trong công tác quản lý, hỗ trợ tra cứu tài liệu (<http://elib.dtu.edu.vn>). Bên cạnh Thư viện truyền thống, Trường đã xây dựng thư viện điện tử với 160.000 tài liệu điện tử (<http://thuvienso.edu.vn>) và kết nối với các cơ sở dữ liệu toàn văn trong nước và quốc tế như: <http://tailieu.vn>; Science@Direct; Springerlink ; Proquest Central ; IEEE...

Thư viện thường xuyên tổ chức các hoạt động để thu hút sinh viên như triển lãm sách, tọa đàm kỹ năng đọc sách hiệu quả, cuộc thi tranh luận. Thư viện thực hiện chính sách mở cửa 4 ca phục vụ người đọc, kể cả thứ bảy và chủ nhật. Thư viện đã tiến hành khảo sát và nhận được đánh giá cao của bạn đọc về mức độ đáp ứng yêu cầu của thư viện đối với bạn đọc. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 90% sinh viên, giảng viên hài lòng về mức độ đáp ứng tài liệu phục vụ học tập và nghiên cứu của thư viện.

## **12. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐƯỢC THAM KHẢO:**

Chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Khoa học sức khỏe ngành Điều dưỡng trình độ Đại học năm 2012. (Ban hành kèm theo TT số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).

Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 21 tháng 4 năm 2012 của Bộ Y tế. (tham khảo xây dựng chuẩn đầu ra)

Chuẩn đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng viên ban hành kèm theo Quyết định số 20/QĐ -HDD ngày 10 tháng 09 năm 2012 của Chủ tịch Hội điều dưỡng Việt Nam;

Chương trình đào tạo đại học Điều dưỡng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (Tham khảo phân học phần đại cương ngành).

Chương trình đào tạo đại học Điều dưỡng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ trường Đại học Phenikaa (Tham khảo phân học phần khung chương trình).

Chương trình đào tạo Bachelor of Science in Nursing của Đại học Mahidol (Tham khảo phân khung chương trình)

## **13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Chương trình chi tiết đào tạo Cử nhân Điều dưỡng được Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Y tế thống nhất ban hành thực hiện ở tất cả các trường đại học có đào tạo ngành Điều dưỡng, phục vụ cho việc đào tạo Cử nhân Điều dưỡng Đa khoa. Chương trình gồm 145 tín chỉ. Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Y tế chỉ đạo thực hiện.

Trên cơ sở các học phần bắt buộc và tự chọn (đặc thù) đã được phê duyệt, trường/khoa đã biên soạn chương trình chi tiết từng môn học/học phần và trình Bộ Giáo dục & Bộ Y tế ký ban hành thực hiện.

### **13.1. Kế hoạch Sắp xếp Nội dung và Quỹ Thời gian**

Trường/khoa sẽ chủ động bố trí và điều chỉnh các môn học/học phần của các học kỳ và đảm bảo tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự.

Phòng Đào tạo và Khoa Điều dưỡng sẽ sắp xếp và triển khai thực hiện chương trình, cùng với việc áp dụng các phương pháp như lồng ghép và cấu trúc chương trình theo khối thời gian, dựa trên chương trình chi tiết đã được phê duyệt.

### **13.2 Môn học Tự chọn**

Trường/khoa sẽ chủ động bố trí và điều chỉnh các môn học tự chọn. Môn học tự chọn được xây dựng theo nhu cầu đào tạo chuyên môn về Điều dưỡng của Việt Nam và phục vụ sức khỏe của nhân dân địa phương, cũng như sẽ được theo dõi theo các yêu cầu phát triển chung của Y học.

### **13.3. Thực tập, Thực hành Lâm Sàng**

#### **13.3.1. Thực tập**

- Tổ chức và triển khai thực tập tại phòng thí nghiệm của trường theo các quy chế và yêu cầu chuyên môn của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Y tế. Do yêu cầu nghề nghiệp chuyên môn, nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo của ngành, nhà trường cũng có thể quy định điểm kết thúc môn học/học phần là tổng hợp của điểm lý thuyết và điểm thực tập.

#### **13.3.2. Thực tập lâm sàng, thực tế tốt nghiệp**

- Sinh viên sẽ thực tập vào học kỳ 2 năm thứ 2. Khoa Điều dưỡng lên kế hoạch cho sinh viên thực tập và thực tế tốt nghiệp tại các Bệnh viện, các giảng viên sẽ được phân công để quản lý và hướng dẫn sinh viên tại Bệnh viện và tổ chức thi thực hành lâm sàng. Mỗi tuần sinh viên thực tập từ thứ 2 đến thứ 7 tại các bệnh viện trên địa bàn Quảng Nam – Đà Nẵng. Phần hướng dẫn thực hành sẽ thực hiện tại phòng bệnh, hướng dẫn lâm sàng tập trung sẽ học tại phòng của Khoa phòng bệnh viện. Thực tập đợt I: học kỳ 2 năm 2, đợt 2: học kỳ 2 năm 3, đợt 3: học kỳ 1 năm 4, đợt 4: học kỳ 2 năm 4. Sinh viên thực tế tốt nghiệp trong 8 tuần của cuối học kỳ 2 năm 4 và chịu sự phân công của Khoa phòng tại Bệnh viện.

### **13.4. Phương pháp Dạy & Học**

- Coi trọng việc tự học và nghiên cứu của sinh viên;
- Tăng cường các phương tiện nghe nhìn và áp dụng phương pháp dạy/học tích cực;
- Đảm bảo số lượng và số lượng đầu sách giáo khoa cũng như sách tham khảo cho sinh viên;

- Tăng cường số lượng đầu sách chuyên môn bằng tiếng Anh, cho phép sinh viên tiếp cận với Anh văn chuyên ngành Điều dưỡng;
- Tăng cường hiệu quả các buổi thực tập trong phòng thí nghiệm, thực hành lâm sàng tại bệnh viện và thực tế tại cộng đồng bằng cách phân công giảng viên kết hợp với giảng viên kiêm nhiệm tại các cơ sở khám chữa bệnh, nhằm theo dõi và đánh giá các hoạt động của sinh viên một cách chính xác nhất;
- Tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với các hình thức thi cử cấp chứng nhận về Điều dưỡng của nước ngoài.

### **13.5. Kiểm tra & Thi**

#### **13.5.1. Kiểm tra sau mỗi học phần (đánh giá quá trình)**

- Kiểm tra giữa kỳ hình thức thi trắc nghiệm lý thuyết tại lớp hoặc thi thực hành tại phòng thực hành hoặc bệnh viện.
- Điểm kiểm tra sẽ được tính vào điểm quá trình của cả học phần.

#### **13.5.2. Thi sau mỗi Học phần để Tích lũy Kết quả Môn học (đánh giá kết thúc)**

- Đối với các môn học Đại cương (bao gồm các môn khoa học cơ bản), Y học Cơ sở, tiền lâm sàng và một số môn học lâm sàng, sau mỗi học phần sinh viên sẽ có một hình thức thi (lý thuyết, đánh giá khách quan) trong kỳ thi kết thúc học phần (tương ứng 1 chứng chỉ).
- Đối với các môn học lâm sàng chuyên ngành như Điều dưỡng Nội, Điều dưỡng Ngoại, Điều dưỡng Nhi khoa, Điều dưỡng hồi sức cấp cứu, Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng sau mỗi học phần sinh viên sẽ có 2 hình thức thi (lý thuyết và thực hành) trong kỳ thi kết thúc học phần.

### **14. Điều kiện liên thông**

#### *14.1. Điều kiện liên thông dọc*

- Học sinh đã tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp hoặc sinh viên đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng ngành Điều dưỡng, được liên thông lên trình độ đại học ngành Điều dưỡng.
- Các học phần đã hoàn thành ở trình độ thấp được công nhận trong chương trình ở trình độ cao hơn nếu đảm bảo khối lượng tín chỉ theo yêu cầu.

#### *14.2. Điều kiện liên thông ngang*

Đối với các ngành học cùng cấp bậc, trình độ, các môn học đã được hoàn thành sẽ được miễn ở ngành học thứ 2.

**Trường Đại học Duy Tân**  
**Hiệu trưởng**

**TS. Lê Nguyên Bảo**